TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **72** /2025/HNGĐ - ST*
Ngày: 22/12/2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Ông **Lê Văn Hoan**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Dũng** - Thư ký Tòa án nhân khu vực 9, Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp"Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1990

HKTT: Thôn Th B 1, xã B B, thành phố Hà Nội

Chỗ ở: thôn Phúc Thượng, xã Hợp Lý, tỉnh Ninh Bình

Căn cước công dân số: 035190011645

- **Bị đơn**: Anh Lê Văn L, sinh năm 1988

HKTT: Thôn Th B 1, xã B B, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số: 001088009990

(Chị Nh, anh L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Tôi có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với anh Lê Văn L ngày 10/12/2014 t¹i UBND xã T B, huyện B V, thành phố Hà Nội (Nay là xã B B, thành phố Hà Nội). Sau khi vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với anh L.

Bản tự khai và biên bản hòa giải anh Lê Văn L trình bày: Tôi có kết hôn với chị Nguyễn Thị Nh ngày ngày 10/12/2014 tại UBND xã T B, huyện B V, thành phố Hà Nội (Nay là xã B B, thành phố Hà Nội) lấy nhau tự nguyện tìm hiểu. Sau khi vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Chị Nh và anh L đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M,sinh ngày 07/6/2015 và cháu Lê Thùy Tr, sinh ngày 19/10/2016. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh Lê Văn L.

- Quan điểm của chị Nh khi ly hôn xin được nuôi dưỡng cháu Lê Thùy Trang, cháu Lê Thị Trà M giao cho anh L nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề trợ cấp nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm Công ty cổ phần đầu tư T&D (nấu bếp ăn ở N H) mức thu nhập 13.539.752đ/ tháng (xác nhận của Công ty)

- Quan điểm của anh L khi ly hôn xin được nuôi 2 cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Thùy Tr, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm Công ty TNHH đầu tư và TM Th A mức thu nhập 12.000.000đ/ tháng.

- *Tài sản chung:* Anh chị đều trình bày không có

- *Công nợ:* Anh chị đều trình bày không có

Tại phiên tòa hôm nay chị Nh và anh L vẫn giữ nguyên quan điểm.

**Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, thẩm phán, thư ký, các hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dụng vụ án: Áp dụng điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn L. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2015 và cháu Lê Thùy Tr, sinh ngày 19/10/2016. Giao cho anh Lê Văn L được nuôi dưỡng 2 cháu Lê Thị Trà M và Lê Thùy Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh. Về tài sản chung, công nợ; không có. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn L là bị đơn có HKTT tại xã B B, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống chung không có hạnh phúc, tại phiên tòa chị Nh và anh L đều thừa nhận anh L có cờ bạc, rượu chè, mặt khác chị Nh và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai anh chị đã sống ly thân nhau và cắt đứt quan hệ tình cảm từ năm 2022. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh chị đều thuận tình ly hôn. Nên HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn L là phù hợp với quy định tại các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] VỀ con chung: Chị Nh và anh L đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2015 và cháu Lê Thùy Tr, sinh ngày 19/10/2016. Nguyện vọng của chị Nh là mong muốn được nuôi dưỡng cháu Lê Thùy Tr, nguyện vọng của anh L xin được tiếp tục nuôi 2 cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Thùy Tr, hiện nay 2 cháu đang ở với anh L và hai cháu có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên tòa chị Nh, anh L đều trình bày vợ chồng ly thân từ năm 2022 thì 2 cháu ở với chị Nh đến tháng 5 năm 2025 anh L đón 2 cháu về chơi và cho các cháu ở lại luôn với anh L. Hiện nay chị Nh đang nấu ăn ở Công ty cổ phần đầu tư T&D , địa chỉ: Khu đô thị Đ V X, phường D H, tỉnh N B, mức thu nhập bình quân của chị Nh là: 13.539.752đ/tháng, anh L là việc tại Công ty TNHH đầu tư và TM Th A, địa chỉ: Thôn Nh N T, xã V L, thành phố Hà Nội, với mức thu nhập là 12.000.000đ/ tháng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị Nh và anh L đều chính đáng, để đảm bảo về điều kiện, cuộc sông và học tập cho các cháu tốt hơn. Do vậy, HĐXX quyết định giao cho chị Nguyễn Thị Nh được nuôi cháu Lê Thùy Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Lê Văn L tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Trà M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh, anh L cho đến khi chị Nh, anh L có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Công nợ: Không có

[6] Án phí: Chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử**:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2015 và cháu Lê Thùy Tr, sinh ngày 19/10/2016. Giao cho chị Nguyễn Thị Nh được nuôi cháu Lê Thùy Tr cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Lê Văn L tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Trà M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Lê Văn L, chị Nguyễn Thị Nh được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh, anh L cho đến khi chị Nh, anh L có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

3.Về tài sản chung: Không có

4. Công nợ: Không có

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0008987 ngày 24/9/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, thành phố Hà Nội.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nh, anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND khu vực 9;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã B B*
- *THA dân sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thị Thu Hường